

**DANH SÁCH CHỨNG KHOÁN ĐƯỢC GIAO DỊCH KÝ QUỸ TẠI FPT**  
(Áp dụng từ ngày 08/08/2025)

| STT | Mã  | Tên công ty                                                           | Sàn  | Tỷ lệ cho vay (%) |
|-----|-----|-----------------------------------------------------------------------|------|-------------------|
| 1   | AAA | Công ty cổ phần Nhựa An Phát Xanh                                     | HOSE | 20                |
| 2   | ABT | Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre                       | HOSE | 30                |
| 3   | ACB | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu                                   | HOSE | 50                |
| 4   | ADS | Công ty cổ phần Damsan                                                | HOSE | 20                |
| 5   | AGR | Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank                                  | HOSE | 10                |
| 6   | ANV | Công ty Cổ phần Nam Việt                                              | HOSE | 40                |
| 7   | AST | Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco                             | HOSE | 30                |
| 8   | BCM | Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP                  | HOSE | 40                |
| 9   | BFC | Công ty cổ phần Phân bón Bình Điền                                    | HOSE | 50                |
| 10  | BHN | Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội               | HOSE | 10                |
| 11  | BIC | Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam | HOSE | 40                |
| 12  | BID | Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam            | HOSE | 50                |
| 13  | BMC | Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định                                  | HOSE | 30                |
| 14  | BMI | Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh                                         | HOSE | 50                |
| 15  | BMP | Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh                                        | HOSE | 50                |
| 16  | BRC | Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành                                      | HOSE | 10                |
| 17  | BSI | Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam   | HOSE | 30                |
| 18  | BSR | Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn                                  | HOSE | 40                |
| 19  | BTP | Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa                                     | HOSE | 20                |
| 20  | BTB | Công ty Cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành                        | HOSE | 10                |
| 21  | BVH | Tập Đoàn Bảo Việt                                                     | HOSE | 50                |
| 22  | BWE | Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương                          | HOSE | 50                |
| 23  | CCL | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long          | HOSE | 10                |
| 24  | CHP | CTCP Thủy điện Miền Trung                                             | HOSE | 40                |
| 25  | CII | Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM                        | HOSE | 10                |

| STT | Mã  | Tên công ty                                                | Sàn  | Tỷ lệ cho vay (%) |
|-----|-----|------------------------------------------------------------|------|-------------------|
| 26  | CLC | Công ty Cổ phần Cát Lợi                                    | HOSE | 30                |
| 27  | CLL | Công ty cổ phần Cảng Cát Lái                               | HOSE | 30                |
| 28  | CLW | Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn                           | HOSE | 10                |
| 29  | CMG | Công ty cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC                     | HOSE | 30                |
| 30  | CNG | Công ty cổ phần CNG Việt Nam                               | HOSE | 50                |
| 31  | CSM | Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam                | HOSE | 10                |
| 32  | CSV | Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam                   | HOSE | 40                |
| 33  | CTD | Công ty cổ phần Xây dựng Coteccons                         | HOSE | 50                |
| 34  | CTG | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam          | HOSE | 50                |
| 35  | CTI | Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO        | HOSE | 30                |
| 36  | CTR | Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel                    | HOSE | 50                |
| 37  | CTS | Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam | HOSE | 40                |
| 38  | D2D | CTCP Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2                    | HOSE | 30                |
| 39  | DBC | Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam                   | HOSE | 50                |
| 40  | DBD | Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định       | HOSE | 40                |
| 41  | DCM | Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau                    | HOSE | 50                |
| 42  | DGC | Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang                | HOSE | 50                |
| 43  | DGW | Công ty cổ phần Thế giới số                                | HOSE | 50                |
| 44  | DHA | Công ty Cổ phần Hóa An                                     | HOSE | 50                |
| 45  | DHC | Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre                           | HOSE | 50                |
| 46  | DHG | Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang                             | HOSE | 50                |
| 47  | DIG | Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng            | HOSE | 30                |
| 48  | DMC | Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco                | HOSE | 30                |
| 49  | DPG | Công ty cổ phần Tập đoàn Đạt Phương                        | HOSE | 30                |
| 50  | DPM | Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP             | HOSE | 50                |
| 51  | DPR | Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú                            | HOSE | 50                |
| 52  | DRC | Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng                             | HOSE | 40                |
| 53  | DRL | Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3                     | HOSE | 10                |
| 54  | DSE | Công ty cổ phần Chứng khoán DNSE                           | HOSE | 20                |

| STT | Mã       | Tên công ty                                             | Sàn  | Tỷ lệ cho vay (%) |
|-----|----------|---------------------------------------------------------|------|-------------------|
| 55  | DSN      | CTCP Công viên nước Đầm Sen                             | HOSE | 30                |
| 56  | DVP      | Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ       | HOSE | 40                |
| 57  | DXG      | Công ty cổ phần Tập đoàn Đất Xanh                       | HOSE | 30                |
| 58  | E1VFN30  | Quỹ ETF VFMVN30                                         | HOSE | 50                |
| 59  | EIB      | Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam                  | HOSE | 30                |
| 60  | ELC      | Công ty cổ phần Công nghệ - Viễn thông Elcom            | HOSE | 30                |
| 61  | EVF      | Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực                      | HOSE | 20                |
| 62  | FMC      | Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta                        | HOSE | 50                |
| 63  | FPT      | Công ty Cổ phần FPT                                     | HOSE | 50                |
| 64  | FRT      | Công ty cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT                  | HOSE | 40                |
| 65  | FUESSVFL | Quỹ ETF SSIAM VNFIN LEAD                                | HOSE | 30                |
| 66  | FUEVFNVD | Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND                                 | HOSE | 50                |
| 67  | GAS      | Tổng Công ty khí Việt Nam - Công ty cổ phần             | HOSE | 50                |
| 68  | GDT      | Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành                   | HOSE | 40                |
| 69  | GEE      | Công ty cổ phần Điện lực Gelex                          | HOSE | 20                |
| 70  | GEG      | Công ty cổ phần Điện Gia Lai                            | HOSE | 30                |
| 71  | GEX      | Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam             | HOSE | 30                |
| 72  | GMD      | Công ty Cổ phần Gemadept                                | HOSE | 50                |
| 73  | GSP      | Công ty cổ phần Vận tải Sản phẩm khí quốc tế            | HOSE | 30                |
| 74  | GVR      | Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty cổ phần  | HOSE | 50                |
| 75  | HAH      | Công ty cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An                | HOSE | 50                |
| 76  | HAP      | Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO                         | HOSE | 10                |
| 77  | HAX      | Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh                  | HOSE | 30                |
| 78  | HCM      | Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh       | HOSE | 50                |
| 79  | HDB      | Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh         | HOSE | 40                |
| 80  | HDC      | Công ty cổ phần Phát triển nhà Bà Rịa- Vũng Tàu         | HOSE | 40                |
| 81  | HDG      | Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô                          | HOSE | 50                |
| 82  | HHV      | Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng giao thông Đèo Cả        | HOSE | 30                |
| 83  | HMC      | Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel | HOSE | 10                |

| STT | Mã  | Tên công ty                                              | Sàn  | Tỷ lệ cho vay (%) |
|-----|-----|----------------------------------------------------------|------|-------------------|
| 84  | HPG | Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát                        | HOSE | 50                |
| 85  | HSG | Công ty cổ phần tập đoàn Hoa Sen                         | HOSE | 50                |
| 86  | HT1 | CTCP Xi măng Vicem Hà Tiên                               | HOSE | 10                |
| 87  | HTG | Tổng công ty cổ phần Dệt may Hòa Thọ                     | HOSE | 50                |
| 88  | HTI | Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO          | HOSE | 40                |
| 89  | HUB | Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế                   | HOSE | 20                |
| 90  | IJC | Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật              | HOSE | 50                |
| 91  | ILB | Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình                 | HOSE | 30                |
| 92  | IMP | Công ty Cổ phần Dược phẩm IMEXPHARM                      | HOSE | 50                |
| 93  | ITC | Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh Nhà                  | HOSE | 10                |
| 94  | KBC | Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc-CTCP             | HOSE | 40                |
| 95  | KDC | Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO                            | HOSE | 30                |
| 96  | KDH | Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Khang Điền         | HOSE | 50                |
| 97  | KHP | Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa                       | HOSE | 10                |
| 98  | KSB | CTCP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương                   | HOSE | 50                |
| 99  | LAF | Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An          | HOSE | 10                |
| 100 | LBM | Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng | HOSE | 30                |
| 101 | LCG | Công ty cổ phần LIZEN                                    | HOSE | 40                |
| 102 | LHG | Công ty cổ phần Long Hậu                                 | HOSE | 40                |
| 103 | LIX | Công ty Cổ phần Bột giặt Lix                             | HOSE | 50                |
| 104 | LPB | Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt          | HOSE | 30                |
| 105 | LSS | Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn                        | HOSE | 10                |
| 106 | MBB | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội                    | HOSE | 50                |
| 107 | MCM | Công ty cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu                    | HOSE | 30                |
| 108 | MIG | Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân Đội                   | HOSE | 40                |
| 109 | MSB | Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam           | HOSE | 50                |
| 110 | MSH | Công ty cổ phần May Sông Hồng                            | HOSE | 50                |
| 111 | MSN | Công ty Cổ phần Tập đoàn MaSan                           | HOSE | 50                |
| 112 | MWG | Công ty cổ phần Đầu tư Thế giới Di động                  | HOSE | 50                |

| STT | Mã  | Tên công ty                                             | Sàn  | Tỷ lệ cho vay (%) |
|-----|-----|---------------------------------------------------------|------|-------------------|
| 113 | NAB | Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á                      | HOSE | 20                |
| 114 | NAF | Công ty Cổ phần Nafoods Group                           | HOSE | 30                |
| 115 | NCT | Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài                | HOSE | 40                |
| 116 | NKG | CTCP Thép Nam Kim                                       | HOSE | 40                |
| 117 | NLG | Công ty cổ phần Đầu tư Nam Long                         | HOSE | 50                |
| 118 | NNC | Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ                              | HOSE | 30                |
| 119 | NSC | Công ty cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam       | HOSE | 40                |
| 120 | NT2 | CTCP Điện lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2                      | HOSE | 30                |
| 121 | NTL | Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Từ Liêm               | HOSE | 40                |
| 122 | OCB | Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông                | HOSE | 40                |
| 123 | OPC | Công ty cổ phần Dược phẩm OPC                           | HOSE | 40                |
| 124 | PAC | Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam                     | HOSE | 40                |
| 125 | PAN | Công ty cổ phần Tập đoàn PAN                            | HOSE | 40                |
| 126 | PC1 | Công ty cổ phần Xây lắp điện 1                          | HOSE | 30                |
| 127 | PDN | Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai                           | HOSE | 40                |
| 128 | PDR | CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt                   | HOSE | 10                |
| 129 | PET | Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí           | HOSE | 30                |
| 130 | PGC | Tổng Công ty Gas Petrolimex-CTCP                        | HOSE | 50                |
| 131 | PGD | Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam  | HOSE | 10                |
| 132 | PGI | Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex                | HOSE | 40                |
| 133 | PHR | Công ty cổ phần Cao su Phước Hòa                        | HOSE | 50                |
| 134 | PLX | Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam                              | HOSE | 50                |
| 135 | PNJ | Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận               | HOSE | 50                |
| 136 | POW | Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam -Công ty cổ phần | HOSE | 50                |
| 137 | PPC | Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại                      | HOSE | 30                |
| 138 | PTB | Công ty cổ phần Phú Tài                                 | HOSE | 50                |
| 139 | PVD | Tổng Công ty CP khoan và dịch vụ khoan dầu khí          | HOSE | 50                |
| 140 | PVP | Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương         | HOSE | 50                |
| 141 | PVT | Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí                    | HOSE | 50                |

| STT | Mã  | Tên công ty                                                         | Sàn  | Tỷ lệ cho vay (%) |
|-----|-----|---------------------------------------------------------------------|------|-------------------|
| 142 | REE | Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh                                        | HOSE | 50                |
| 143 | S4A | Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A                                 | HOSE | 10                |
| 144 | SAB | Tổng Công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn            | HOSE | 50                |
| 145 | SBA | Công ty Cổ phần Sông Ba                                             | HOSE | 50                |
| 146 | SCS | Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn                            | HOSE | 50                |
| 147 | SFG | Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam                                   | HOSE | 10                |
| 148 | SFI | Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI                                 | HOSE | 30                |
| 149 | SGN | Công ty cổ phần Phục vụ mặt đất Sài Gòn                             | HOSE | 40                |
| 150 | SHB | Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội                       | HOSE | 40                |
| 151 | SHP | Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam                                  | HOSE | 40                |
| 152 | SIP | Công ty cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG                                  | HOSE | 50                |
| 153 | SJD | Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn                                   | HOSE | 30                |
| 154 | SJS | Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà | HOSE | 10                |
| 155 | SKG | Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong-Kiên Giang                    | HOSE | 30                |
| 156 | SMB | Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung                            | HOSE | 30                |
| 157 | SSB | Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Nam Á                             | HOSE | 30                |
| 158 | SSC | Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Miền Nam                            | HOSE | 10                |
| 159 | SSI | Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI                                     | HOSE | 50                |
| 160 | STB | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín                     | HOSE | 50                |
| 161 | SZC | Công ty cổ phần Sonadezi Châu Đức                                   | HOSE | 40                |
| 162 | SZL | Công ty cổ phần Sonadezi Long Thành                                 | HOSE | 50                |
| 163 | TBC | Công ty cổ phần Thủy điện Thác Bà                                   | HOSE | 40                |
| 164 | TCB | Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam                                   | HOSE | 40                |
| 165 | TCL | Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng            | HOSE | 40                |
| 166 | TCM | CTCP Dệt may- Đầu tư- Thương mại Thành Công                         | HOSE | 50                |
| 167 | TCT | Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh                            | HOSE | 10                |
| 168 | TDM | Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một                                    | HOSE | 40                |
| 169 | TDW | Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức                                    | HOSE | 10                |
| 170 | THG | Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang                       | HOSE | 40                |

| STT | Mã  | Tên công ty                                                        | Sàn  | Tỷ lệ cho vay (%) |
|-----|-----|--------------------------------------------------------------------|------|-------------------|
| 171 | TIP | CTCP Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa                          | HOSE | 20                |
| 172 | TIX | Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh XNK Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình | HOSE | 10                |
| 173 | TLG | Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long                                | HOSE | 40                |
| 174 | TMP | Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ                                  | HOSE | 10                |
| 175 | TMS | Công ty Cổ phần Transimex                                          | HOSE | 30                |
| 176 | TNH | Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên                      | HOSE | 20                |
| 177 | TPB | Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong                            | HOSE | 50                |
| 178 | TRA | Công ty Cổ phần Traphaco                                           | HOSE | 10                |
| 179 | TRC | Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh                                    | HOSE | 40                |
| 180 | TTA | Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành         | HOSE | 30                |
| 181 | TV2 | Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2                             | HOSE | 30                |
| 182 | TVS | Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt                             | HOSE | 10                |
| 183 | UIC | Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Idico              | HOSE | 30                |
| 184 | VCB | Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam                 | HOSE | 50                |
| 185 | VCF | Công ty Cổ phần VINACAFÉ Biên Hòa                                  | HOSE | 10                |
| 186 | VCG | Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam           | HOSE | 40                |
| 187 | VCI | Công ty cổ phần Chứng khoán Bản Việt                               | HOSE | 50                |
| 188 | VDP | Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương Vidipha                       | HOSE | 10                |
| 189 | VDS | Công ty Cổ phần chứng khoán Rồng việt                              | HOSE | 30                |
| 190 | VFG | Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam                                 | HOSE | 40                |
| 191 | VGC | Tổng Công ty Viglacera - CTCP                                      | HOSE | 50                |
| 192 | VHC | Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn                                          | HOSE | 50                |
| 193 | VHM | Công ty cổ phần Vinhomes                                           | HOSE | 40                |
| 194 | VIB | Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam                      | HOSE | 50                |
| 195 | VIC | Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần                                | HOSE | 30                |
| 196 | VIP | Công ty Cổ phần vận tải xăng dầu VIPCO                             | HOSE | 20                |
| 197 | VIX | Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX                                    | HOSE | 20                |
| 198 | VJC | Công ty cổ phần Hàng không VIETJET                                 | HOSE | 30                |
| 199 | VND | Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT                               | HOSE | 50                |

| STT | Mã  | Tên công ty                                       | Sàn  | Tỷ lệ cho vay (%) |
|-----|-----|---------------------------------------------------|------|-------------------|
| 200 | VNM | Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam                      | HOSE | 50                |
| 201 | VNS | Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam                | HOSE | 10                |
| 202 | VOS | CTCP Vận tải Biển Việt Nam                        | HOSE | 30                |
| 203 | VPB | Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng | HOSE | 50                |
| 204 | VPD | Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam      | HOSE | 30                |
| 205 | VPS | Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam          | HOSE | 10                |
| 206 | VRE | Công ty Cổ phần Vincom Retail                     | HOSE | 50                |
| 207 | VSC | Công ty cổ phần Container Việt Nam                | HOSE | 50                |
| 208 | VSI | Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước | HOSE | 30                |
| 209 | VTO | Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VITACO           | HOSE | 30                |
| 210 | VTP | Tổng công ty Cổ phần Bưu chính Viettel            | HOSE | 30                |
| 211 | BAB | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á                | HNX  | 10                |
| 212 | BTW | CTCP Cấp nước Bến Thành                           | HNX  | 10                |
| 213 | BVS | Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt              | HNX  | 40                |
| 214 | CDN | Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng                      | HNX  | 10                |
| 215 | CEO | CTCP Tập đoàn C.E.O                               | HNX  | 20                |
| 216 | CLH | CTCP Xi măng La Hiên VVMI                         | HNX  | 10                |
| 217 | DHT | Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây                  | HNX  | 20                |
| 218 | DP3 | CTCP Dược phẩm Trung ương 3                       | HNX  | 30                |
| 219 | DTD | Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Thành Đạt       | HNX  | 10                |
| 220 | DTK | Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP                  | HNX  | 10                |
| 221 | DXP | Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá                      | HNX  | 30                |
| 222 | EBS | CTCP Sách giáo dục tại TP, Hà Nội                 | HNX  | 10                |
| 223 | EID | CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội         | HNX  | 10                |
| 224 | GIC | Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh | HNX  | 20                |
| 225 | HJS | CTCP Thủy điện Nậm Mu                             | HNX  | 10                |
| 226 | HLC | CTCP Than Hà Lâm - Vinacomin                      | HNX  | 10                |
| 227 | HTC | Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn                | HNX  | 10                |
| 228 | HUT | Công ty Cổ phần Tasco                             | HNX  | 10                |

| STT | Mã  | Tên công ty                                                | Sàn | Tỷ lệ cho vay (%) |
|-----|-----|------------------------------------------------------------|-----|-------------------|
| 229 | HVT | Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì                          | HNX | 30                |
| 230 | IDC | Tổng công ty IDICO – CTCP                                  | HNX | 50                |
| 231 | IDV | Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc               | HNX | 30                |
| 232 | INN | Công ty Cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp                   | HNX | 40                |
| 233 | L14 | CTCP Licogi 14                                             | HNX | 10                |
| 234 | LAS | Công ty cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao        | HNX | 40                |
| 235 | MBS | Công ty cổ phần Chứng khoán MB                             | HNX | 50                |
| 236 | MDC | CTCP Than Mông Dương - Vinacomin                           | HNX | 10                |
| 237 | MVB | Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP            | HNX | 10                |
| 238 | NBC | CTCP Than Núi Béo - Vinacomin                              | HNX | 10                |
| 239 | NBW | CTCP Cấp nước Nhà Bè                                       | HNX | 10                |
| 240 | NDN | CTCP Đầu tư phát triển Nhà Đà Nẵng                         | HNX | 20                |
| 241 | NET | Công ty Cổ phần Bột giặt Net                               | HNX | 40                |
| 242 | NFC | CTCP Phân lân Ninh Bình                                    | HNX | 20                |
| 243 | NTH | CTCP Thủy điện Nước Trong                                  | HNX | 10                |
| 244 | NTP | Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong                 | HNX | 50                |
| 245 | PCE | CTCP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung               | HNX | 10                |
| 246 | PGS | Công ty cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam                    | HNX | 30                |
| 247 | PHN | CTCP Pin Hà Nội                                            | HNX | 10                |
| 248 | PIC | CTCP Đầu tư Điện lực 3                                     | HNX | 10                |
| 249 | PLC | Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP                       | HNX | 40                |
| 250 | PMC | CTCP Dược phẩm dược liệu Pharmedic                         | HNX | 10                |
| 251 | PPS | Công ty cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam | HNX | 10                |
| 252 | PRE | Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI                      | HNX | 30                |
| 253 | PSD | CTCP Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí                    | HNX | 10                |
| 254 | PTI | TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN                     | HNX | 10                |
| 255 | PVB | Công ty cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam                   | HNX | 40                |
| 256 | PVC | Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP (PVChem)   | HNX | 10                |
| 257 | PVI | Công ty Cổ phần PVI                                        | HNX | 50                |

| STT | Mã  | Tên công ty                                            | Sàn | Tỷ lệ cho vay (%) |
|-----|-----|--------------------------------------------------------|-----|-------------------|
| 258 | PVS | Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam | HNX | 50                |
| 259 | S55 | Công ty Cổ phần Sông Đà 505                            | HNX | 20                |
| 260 | SAF | CTCP Lương thực Thực phẩm SAFOCO                       | HNX | 10                |
| 261 | SCI | CTCP SCI E&C                                           | HNX | 10                |
| 262 | SD5 | Công ty Cổ phần Sông Đà 5                              | HNX | 20                |
| 263 | SEB | Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Miền Trung        | HNX | 30                |
| 264 | SED | CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam          | HNX | 10                |
| 265 | SHS | Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội           | HNX | 30                |
| 266 | SLS | Công ty cổ phần Mía đường Sơn La                       | HNX | 30                |
| 267 | SZB | Công ty cổ phần Sonadezi Long Bình                     | HNX | 30                |
| 268 | TFC | Công ty cổ phần Trang                                  | HNX | 20                |
| 269 | TMB | CTCP Kinh doanh than miền Bắc-Vinacomin                | HNX | 10                |
| 270 | TNG | Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG               | HNX | 40                |
| 271 | TV4 | CTCP Tư vấn Xây dựng điện 4                            | HNX | 10                |
| 272 | TVD | CTCP Than Vàng Danh - Vinacomin                        | HNX | 10                |
| 273 | VC3 | Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông                   | HNX | 10                |
| 274 | VCS | Công ty cổ phần VICOSTONE                              | HNX | 50                |
| 275 | VGS | CTCP Ống thép Việt Đức VG PiPe                         | HNX | 20                |
| 276 | VHE | Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam        | HNX | 20                |
| 277 | VNR | Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam    | HNX | 50                |
| 278 | VSA | CTCP Đại lý Hàng hải Việt Nam                          | HNX | 10                |
| 279 | WCS | CTCP Bến xe Miền Tây                                   | HNX | 10                |